



CÔNG TY DU HỌC EDUZONE

📍 Hà Nội: Phòng 705, Tầng 7, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ

☎ (04) 322 47 645 📠 0983.01.05.80 ✉ hn@eduzone.vn

📍 TP. HCM: 49 Thạch Thị Thanh, P Tân Định, Quận 1

☎ 0934.67.64.68 ✉ hcm@eduzone.vn 🌐 duhocsing.vn; duhocphil.vn

Hướng dẫn điền đơn Online vào NUS Dành cho sinh viên quốc tế

(Tổng hợp bởi Công ty du học Eduzone)

Chào các bạn ứng viên, cảm ơn các bạn đã dành thời gian để điền vào đơn đăng kí nhập học dành cho các khóa học bậc Đại học tại trường Đại học quốc gia Singapore (NUS)

Chúng tôi thấu hiểu những lo lắng của các bạn trong việc tìm kiếm những bước đi tiếp theo của cuộc đời. Chúng tôi đã từng trải qua quãng thời gian đó, và chúng tôi rất vui được giúp các bạn hoàn thành mẫu đơn này. Chúng tôi sẽ giải thích các phần có trong đơn đăng kí nhập học. Bạn nên đọc qua những hướng dẫn để có thể hoàn thành tờ đơn của bạn đầy đủ nhất.

Chúng tôi tin rằng những hướng dẫn của chúng tôi sẽ giúp ích cho bạn

Section 1 - Personal Particulars (Mục 1: Thông tin cá nhân)

Section (Mục)	Explanation (Giải thích)	Contribution to admissions decisions (Đóng góp vào việc đưa ra quyết định nhập học)
Fields required: Phần yêu cầu a. Full Name (Họ và tên) b. Given Name/ First Name (Tên đầu) c. Family Name/ Last Name/ Surname (Tên họ/ tên lót/ tên) d. Date of Birth (Ngày tháng năm sinh) e. Gender (Giới tính) f. Citizenship (Công dân nước) g. Passport Number (Số hộ chiếu) h. Marital Status (Tình trạng hôn nhân) i. Race/Ethnic Group (Dân tộc) j. Religion (tôn giáo)	Phần này trong mục 1 giúp NUS nhận diện ứng viên Những ứng viên chưa có hộ chiếu thì có thể bỏ trống phần hộ chiếu, các mục khác phải điền đầy đủ	No contribution. (không có đóng góp)

Section 2 - Contact Information (Mục 2: Thông tin liên lạc)

<p>Fields required: (Phần yêu cầu)</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Block/ House No. (Số nhà) b. Street Name/ Building Name (Tên đường) c. State/ City (Thành phố) d. Country (Quốc gia) e. Postal Code (Mã bưu điện) f. Email (Địa chỉ email) g. Alternate Email (Địa chỉ email thay thế) h. Home Telephone (Số điện thoại nhà) i. Handphone / Pager (Điện thoại di động) 	<p>Phần này trong mục 2 giúp NUS biết cách liên lạc với bạn để lấy thêm thông tin nếu cần</p> <p>Bạn hãy chắc chắn rằng thông tin mà bạn cung cấp cho NUS vẫn có thể sử dụng được trong 12 tháng tiếp theo</p>	<p>No contribution. (không có đóng góp)</p>
---	--	--

Section 3 - Academic Qualifications (Mục 3: Trình độ học vấn)

Section (Mục)	Explanation (Giải thích)	Contribution to admissions decisions (Đóng góp để quyết định nhập học)
<p>Sub section - Secondary Education (cấp 2)</p> <p>Fields required: Phần yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none">a. Name of Secondary School (Tên trường)b. City / Country (of field a) (Thành phố/ quốc gia)c. Attended from and to (học từ...đến...)d. Examination (name) (Tên kì thi)e. Year taken (Năm tham gia) <p>Subjects taken (Các môn học tham gia)</p> <ul style="list-style-type: none">a. English (Tiếng Anh)	<p>Phần này giúp NUS biết về trình độ học vấn của bạn</p> <p>Giáo dục cấp 2 tương đương với giáo dục 10 năm</p> <p>Ứng viên phải điền đầy đủ vào đơn điểm số của những môn học đã tham gia. Ứng viên phải điền vào đơn điểm số môn tiếng Anh trong 10 năm)</p>	<p>Chúng tôi không đưa ra bất kì ý kiến tiêu cực hay tích cực nào trong phần này để đưa ra quyết định nhập học</p>

<p>Section 3 - Academic Qualifications</p> <p>Sub section - High School Education (cấp 3) Name of High School (Tên trường)</p> <ol style="list-style-type: none"> Country (of field a) Quốc gia Province/ City (Tỉnh/ Thành phố) Attended from and to (Học từ...đến...) Examination (name) (Tên kì thi) Year taken (Năm tham dự) Indication if it is Actual Official High School qualification results or Most recent school examination results (Year 11) (Đưa ra bằng cấp chính thức hoặc kết quả bài thi tại trường gần nhất) Subject taken and grades obtained (Môn học tham gia và điểm số) 	<p>High School Education refers to Year 12 education. (Giáo dục cấp 3 tương đương giáo dục 12 năm)</p> <p>Please key in the full name of your high school as per reflected in your school transcript. (Hãy nhập đầy đủ tên trường cấp ba của bạn để chúng tôi có thể biết được quá trình học tập của bạn)</p> <p>Applicants whose national pre-university education system is for 10 years (e.g. Philippines) should fill in their 10th Year national qualification results. (Những ứng viên đến từ các quốc gia có hệ thống giáo dục dự bị đại học 10 năm (ví dụ Philippines) nên ghi vào đơn đăng kí kết quả thi tuyển quốc gia năm thứ 10)</p> <p>Applicants who are sitting for their national or official Year 12 in the same year of application and expecting their results only after the application deadline should fill in their Year 11 results (please select “forecast” instead of “actual” for high school result). (Những ứng viên đang chờ kết quả kì thi quốc gia hay kết quả lớp 12 trong cùng năm đăng kí, hãy điền vào đơn kết quả lớp 11 của bạn (Xin vui lòng chọn “ forecast” thay vì “ actual” cho phần kết quả trung học phổ thông.</p>	<p>High contribution. (Có nhiều đóng góp)</p> <p>Applicants who are submitting the Indonesian Ebtanas and Vietnam High School qualifications on the year of admission will be short-listed for University Entrance Examinations (UEE) based on their Year 11 school (June) and semester II results, respectively. (Những ứng viên đến từ trường cấp 3 tại Indonesian Ebtanas và Việt Nam trong năm nhập học sẽ phải làm một bài kiểm tra Đại học đầu vào (UEE) dựa trên kết quả năm lớp 11 và kết quả học kì II.</p> <p>Applicants whose actual High School results are available only after the deadline of application (e.g. Indian Year 12) will have their application decision made based on the actual results when they are made available. (Những ứng viên có kết quả cấp ba muộn hơn so với hạn cuối ngày đăng kí (Ví dụ Ấn độ 12 năm) sẽ được đưa ra quyết định nhập học dựa trên kết quả thật sau khi nhận được).</p>
---	---	---

<p>Sub section - Additional results (Bảng cấp khác)</p> <ul style="list-style-type: none"> a. IELTS b. TOEFL c. EL1119 d. MUET e. SAT f. SAT Subject Tests g. Advanced Placement (AP) scores h. AIEEE Rank i. IIT Rank 	<p>Applicants with any of these results may fill them in. (Những ứng viên có bằng cấp khác nên điền đầy đủ thông tin vào tờ đơn)</p> <p>Applicants who do not have these results should leave them empty. (Những ứng viên không có những bằng cấp nêu trên nên để trống)</p> <p>Applicants are required to fill in the fields for overall band as well as writing component band scores if they are submitting IELTS. (Ứng viên phải điền vào phần điểm tổng cùng với điểm viết nếu họ có chứng chỉ IELTS)</p> <p>Applicants submitting the EL1119 are required to fill in the grade under "O" level grading, not the "SPM" grading. (Những ứng viên có chứng chỉ EL1119 phải điền điểm của cấp độ "O" không phải cấp độ "SPM"</p> <p>Applicants submitting the MUET should key in the numerical grade (e.g. 221) instead of the band. (Những ứng viên nộp chứng chỉ MUET nên nhập điểm bằng chữ số (Ví dụ 221) thay vì nhập cấp độ).</p>	<p>SAT and SAT Subject Tests - High contribution. Other results listed - Some influence. (Bài kiểm tra SAT và SAT Subjects- có nhiều đóng góp. Những bằng cấp khác được liệt kê- có một vài ảnh hưởng)</p> <p>Applicants should check http://www.nus.edu.sg/oam/apply/international/admissionreg/BYA-admissionreg.html for requirements of additional results according to their qualification type. (Ứng viên nên truy cập vào website để biết thêm yêu cầu về những bằng cấp khác khi đăng kí nhập học)</p> <p>Applicants whose qualification type requires them to submit the SAT and SAT Subject Tests results will have the admissions decisions made almost exclusively based on the SAT results. (Ứng viên muốn theo học chương trình yêu cầu chứng chỉ SAT hay SAT subjects sẽ có quyết định nhập học dựa trên kết quả bài thi SAT).</p>
--	--	--

Section 4 – University/ Tertiary Education (Mục 4: Giáo dục Đại học)

<p>Fields required: (Phần yêu cầu)</p> <p>a. Indication if current or former student of National University of Singapore (NUS), Nanyang Technological University (NTU), Singapore Management University (SMU) and/or any other tertiary institutions (Hãy ghi rõ nếu bạn đang hoặc là sinh viên cũ của trường Đại học quốc gia Singapore (NUS), Đại học công nghệ Nanyang (NTU), Đại học quản lý Singapore (SMU) hay bất kì học viện giáo dục nào khác</p> <p>b. Indication if current or former student of any other university or tertiary institutions (Hãy ghi rõ nếu bạn đang hoặc là sinh viên cũ của bất kì trường Đại học nào)</p> <p>c. University academic results (Kết quả Đại học)</p>	<p>Applicants who are current students of NUS, NUS, SMU and/or any other tertiary institutions should not apply under International Application. (Ứng viên đang hoặc là sinh viên cũ của các trường NUS, SMU hoặc các học viện giáo dục sau cấp ba sẽ không đăng kí bằng đơn đăng kí quốc tế)</p> <p>Applicants who are current students of any other university or tertiary institution should click "Yes" (ứng viên là sinh của bất kì trường Đại học hay học viện giáo dục sau phổ thông khác nên chọn " yes"</p> <p>Please key in University academic results. If University academic results are not available at point of application, please leave them empty.(Xin vui lòng nhập kết quả Đại học. Nếu chưa có kết quả Đại học, vui lòng bỏ trống).</p>	<p>Some influence.</p>
--	--	------------------------

Section 5 - Exceptional talents and achievements

<p>Sub section - International Science Olympiads Fields required: Phần yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> Type of Olympiad (loại Olympic) Level of achievement (kết quả) Subject undertaken (môn đã tham gia) Level of participation (Mức độ tham gia) From and to (year of achievement) (Từ.. đến..) Name of contact person (for verification) (Tên người chứng thực) Position of contact person (Địa vị người chứng thực) Telephone number (of contact person) Số điện thoại người chứng thực Fax number (of contact person) Số fax người chứng thực 	<p>The exhaustive list for all competitions under the International Science Olympiad (IOC) group achievements can be found defined at: http://en.wikipedia.org/wiki/International_science_olympiad</p> <p>Toàn bộ danh sách các cuộc thi Olympic khoa học quốc gia và kết quả cuộc thi sẽ được xác định tại website dưới đây</p> <p>Applicants who do not have achievements within the defined list should leave this sub section empty. (Ứng viên không có tên trong danh sách nên để trống phần này)</p>	<p>High contribution.</p> <p>Applicants who won medals at the International Science Olympiads must also submit an English requirement (check http://www.nus.edu.sg/oam/apply/international/admissionreq/BYA-admissionreq.html) if their High School qualification requires it. Applicants who do not have the English requirement may be required to undertake the UEE English paper as per assessment by our admissions professionals. (Ứng viên có giải tại các cuộc thi Olympic khoa học quốc tế phải đáp ứng được yêu cầu về tiếng Anh). Kiểm tra website....Nếu bậc học trung học phổ thông yêu cầu. Ứng viên không đáp ứng được yêu cầu về tiếng Anh phải làm một bài kiểm tra tiếng Anh đầu vào như là một bài kiểm tra đánh giá của chúng tôi.</p>
---	---	--

<p>Sub section - Other activities (Các hoạt động khác) Fields required: (phần yêu cầu)</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Activity type (e.g. IOC, Asian Olympiads, National Science Olympiads, Arts/Music, Sports, Club/Society/Community Service) (Loại hoạt động ví dụ IOC, Olympic Châu Á, Olympic khoa học quốc gia, nghệ thuật/âm nhạc, thể thao, phục vụ cộng đồng...) b. Level of achievement (mức độ thành tựu) c. Name of activity/organisation/employer tên hoạt động/ tổ chức/ người đứng đầu d. Level (of competition/medal/prize) (giải đạt được) e. Position Held (Vị trí tham gia) f. From and to (period of activities) (tham gia từ.. đến..) g. Name of contact person (for verification) (tên người chứng thực) h. Position of contact person (Địa vị người chứng thực) i. Telephone number (of contact person) (số điện thoại người chứng thực) j. Fax number (of contact person) Số fax người chứng thực 	<p>Competitions held by other Universities do not qualify under this sub section. (Các cuộc thi được tổ chức bởi các trường Đại học khác không cần ghi trong mục này)</p> <p>School extra-curriculum activities (ECA), core curriculum activities (CCA) do not qualify under this sub section. (Các hoạt động tại trường không cần ghi trong mục này)</p>	<p>Some influence.</p> <p>Achievements at international level have some influence on admissions decisions. (Những thành tựu ở cấp độ quốc tế sẽ ảnh hưởng đến quyết định nhập học của bạn)</p> <p>Achievements at National level may have some influence on admissions decisions. (Những thành tựu ở cấp độ quốc gia cũng có thể ảnh hưởng đến quyết định nhập học của bạn)</p> <p>Achievements below National level have negligible influence on admissions decisions. (Những thành tựu dưới cấp quốc gia không đủ để ảnh hưởng đến quyết định nhập học của bạn)</p>
--	---	--

<p>Sub section - Short written submission (nộp một bài viết ngắn)Fields required: phân yêu cầu</p> <p>a. 2,000 character field for a short written submission (Nộp một bài viết ngắn khoảng 2000 từ)</p>	<p>Applicants may wish to prepare their written submission separately prior submitting an application. They may copy and paste their pre-prepared written submission into the text box. (Ứng viên có thể chuẩn bị bài viết riêng của mình trước khi nộp hồ sơ. Bạn có thể sao chép và dán bài viết đã chuẩn bị trước đó vào trong hộp)</p>	<p>Low influence.</p> <p>Submissions which highlight exceptional talents contributing to our student talent mix may be taken into consideration. (những khả năng nổi trội khác của bạn có thể đóng góp vào sự đa dạng tài năng sinh viên của chúng tôi cũng được xem xét khi đưa ra quyết định nhập học)</p>
--	---	--

Section 6 - Exemptions and Scholarships (Sự miễn giảm và học bổng)

<p>Fields required: Phân yêu cầu</p> <p>a. University admitted to and course (trường Đại học chấp nhận và khóa học)</p> <p>b. High school examinations exempted from (kì thi trung học phổ thông được miễn)</p> <p>c. Name of Scholarship attained (tên học bổng)</p> <p>d. Year (attained) Năm</p> <p>e. Name of contact person (for verification) Tên người chứng thực</p> <p>f. Position of contact person (Địa vị người chứng thực)</p> <p>g. Telephone number (of contact person) (số dt người chứng thực)</p> <p>h. Fax number (of contact person) (số fax người chứng thực)</p>	<p>Applicants who have attained exemptions from National High School examinations or direct admissions to Universities may fill in this section. (Ứng viên được được miễn bài thi trung học phổ thông quốc qua hay được tuyển thẳng vào các trường Đại học có thể điền vào mục này)</p> <p>Applicants who have obtained full scholarships (i.e. at least full fee subsidy) may fill in this section. (Ứng viên có học bổng toàn phần có thể điền vào mục này)</p>	<p>Some influence.</p> <p>Applicants with exemptions and direct admissions to good Universities will be considered for similar or related courses as per assessment by our admissions professionals. (Ứng viên được miễn hoặc được tuyển thẳng vào các trường Đại học sẽ được xem xét học các ngành học tương đương và liên quan theo đánh giá của các chuyên gia tại trường)</p> <p>Applicants who won full scholarships at good Universities will be considered for admissions directly or required to undertake the UEE, as per assessment by our admissions professionals. (Ứng viên đạt được học bổng toàn phần tại các trường Đại học tốt sẽ được xem xét tuyển thẳng hoặc yêu cầu làm bài kiểm tra đánh giá đầu vào bởi các chuyên gia tại trường.</p>
--	---	---

Section 6 - Choice of Courses (Mục 6: Lựa chọn khóa học)

<p>Sub section - Single degree courses</p> <p>Fields required:</p> <ul style="list-style-type: none">a. 1st Choiceb. 2nd Choicec. 3rd Choiced. 4th Choiced. 5th Choice <p>Các khóa học đơn bằng</p> <ul style="list-style-type: none">a. Lựa chọn đầu tiênb. Lựa chọn thứ haic. Lựa chọn thứ bad. Lựa chọn thứ tưe. Lựa chọn thứ năm	<p>Applicants must select at least 1 (1st Choice) choice for a single undergraduate degree course for our assessment. You may select up to a maximum of 5 choices.</p> <p>All courses available for undergraduate studies are listed on a dropdown menu for easy selection.</p> <p>A full list of single degree courses available at NUS and their subject pre-requisites is located at</p> <p>http://www.nus.edu.sg/oam/apply/international/prerequisites/BYA-prerequisites.html</p> <p>Ứng viên phải chọn ít nhất 1 lựa chọn cho các khóa học đại học đơn bằng theo đánh giá của chúng tôi. Bạn có thể chọn tối đa 5 lựa chọn. Tất cả các khóa học đã được liệt kê trong danh sách giúp bạn lựa chọn dễ dàng</p> <p><i>Eduzone – Công ty chuyên du học Singapore; http://duhocsing.vn</i></p>	<p>High contribution.</p> <p>Applicants will be assessed according to competition for all the courses they have applied for and be offered the applicants' prioritized choices, for applicants who meet the Competitive admissions criteria. (ứng viên sẽ được đánh giá thông qua bài thi dành cho tất cả các khóa học. Bạn có thể nộp vào hoặc chúng tôi sẽ cung cấp cho bạn khóa học phù hợp nhất nếu bạn đáp ứng được những tiêu chí đầu vào của chúng tôi)</p> <p>Applicants who do not meet the competitive admissions criteria or offer any competitive achievements listed in sections 4 and 5 will be rejected. (Ứng viên không đáp ứng được những tiêu chí đầu vào hoặc không có bất kì thành tựu nào sẽ bị loại)</p> <p>Applicants, whose listed achievements in sections 4 and 5 are not assessed to be sufficiently competitive and also not met the competitive admissions criteria, will be rejected. ứng viên có những thành tựu được liệt kê trong mục 4 và 5 không đủ và không đáp ứng được tiêu chí đầu vào sẽ bị loại)</p>
--	--	---

<p>Sub section - Double degree courses (Các khóa học song bằng)</p> <p>Fields required: Phần yêu cầu</p> <p>a. 1st Choice (Lựa chọn đầu tiên)</p> <p>b. 2nd Choice (Lựa chọn thứ hai)</p> <p>c. 3rd Choice (Lựa chọn thứ ba)</p> <p>d. 4th Choice (Lựa chọn thứ tư)</p>	<p>This sub section is optional.</p> <p>Applicants who wish to undertake a double degree course (in 5 years) at NUS will use this sub section. Ứng viên tham gia vào các khóa học song bằng (5 năm) tại NUS nên biết phần này</p> <p>Applicants can also apply for double degree (DDP) courses at the end of year 1. (Ứng viên đăng kí các khóa học song bằng vào cuối năm nhất)</p> <p>Applicants may select up to a maximum of 4 choices. (Ứng viên có thể chọn tối đa 4 lựa chọn)</p> <p>All courses available for undergraduate studies</p>	<p>High contribution for DDP only. (Đóng góp lớn cho DDP)</p> <p>Applicants will be assessed according to competition for all the courses they have applied for and be offered the applicants' prioritized choices, for applicants who meet the competitive admissions criteria. Applicants who do not meet the competitive admissions criteria or offer any competitive achievements listed in sections 4 and 5 will be rejected. ((ứng viên sẽ được đánh giá thông qua bài thi cho tất cả các khóa học. Bạn có thể nộp vào hoặc chúng tôi sẽ cung cấp cho bạn khóa học phù hợp nhất nếu bạn đáp ứng được những tiêu chí đầu vào của chúng tôi) (Ứng viên không đáp ứng được những tiêu chí đầu vào hoặc không có bất kì thành tựu nào sẽ bị loại) ứng viên có những thành tựu được liệt kê trong mục 4 và 5 không đủ và không đáp ứng được tiêu chí đầu vào sẽ bị loại)</p> <p>Applicants, whose listed achievements in sections 4 and 5 are not assessed to be</p>
--	--	---

Section 7 - Employment History

(Mục 7: Lịch sử công việc)

<p>Fields required: Phần yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none">a. Name of company Tên Công tyb. Position Chức vục. Period of employment Thời gian lam việc	<p>Applicants who have been working prior to applying to NUS should inform us of their activities. (Những ứng viên đã đi làm trước khi đăng kí vào NUS nên thông báo cho chúng tôi biết các hoạt động của bạn</p>	<p>No contribution.</p>
--	--	-------------------------

Section 8 - Disabilities and Special Needs (Mục 8: Khuyết tật và những yêu cầu đặc biệt)

<p>Fields required: Phần yêu cầu</p> <p>a. Selection for "Yes" or "No" Chọn có hoặc không</p>	<p>Applicants who have disabilities and special needs must complete this section. (Ứng viên người bị khuyết tật hay có những yêu cầu đặc biệt nào khác phải hoàn thành mục này)</p> <p>If you have indicated 'Yes', you are required to select your medical condition(s) from the drop-down menu. An elaboration of the medical condition(s) should be provided. (Nếu bạn chọn " Có" bạn phải chọn các yêu cầu y tế trong danh sách. Bạn nên chọn một cách cẩn thận.</p> <p>You should choose 'Others' if your medical condition(s) is not available for selection. Bạn nên chọn " Mục khác" nếu yêu cầu y tế của bạn không có trong danh sách.</p> <p>Applicants are required to submit documentation and paper explanations of their disabilities and special needs. (các ứng viên phải nộp giấy xác nhận khuyết tật và các nhu cầu đặc biệt)</p> <p>Applicants whose conditions are within the University's estate and medical support capacities will compete as per normal applicants for admissions.</p> <p>Ứng viên có những yêu cầu nằm trong khả năng hỗ trợ của trường sẽ được cung cấp khi nhập học</p>	<p>No contribution.</p>
---	---	-------------------------

Section 9 - Next-of-Kin Information

Mục 9: Thông tin của người thân

Fields required: Phần yêu cầu a. Name of Next-of-Kin (NOK) / Guardian Tên người thân/ người bảo vệ b. Relationship of NOK to applicant mối quan hệ với ứng viên c. Occupation (of NOK) Công việc d. Telephone (of NOK) Số đt	Country & area codes are required only for non-Singaporean numbers for the Home Telephone and Handphone / Pager fields. (Phải cung cấp mã vùng và mã quốc gia khi số đt không phải số của Singapore)	No contribution.
--	---	------------------

Section 10 – Personal Identification Number (PIN) Mục 10: Số xác nhận các nhân

Fields required: Phần yêu cầu a. Enter an Admission PIN (8 alpha-numeric characters) Nhập số PIN (Gồm 8 kí tự chữ và số) b. Re-enter the admission PIN (as in item a) Nhập lại số PIN	Applicants are required to self create an admission PIN. This admission PIN will be the personal password for the applicant to login to our online application status check. (Ứng viên phải tự tạo một số PIN. Số PIN sẽ là mật khẩu cá nhân giúp ứng viên đăng nhập vào trang đăng kí trực tuyến của chúng tôi) Admissions PIN must be in alpha-numeric. This means it must contain both alphabet(s) and number(s). Please note that the admission PIN is case sensitive. (Số PIN phải gồm cả chữ và số. Hãy nhớ rằng số PIN rất quan trọng)	No contribution.
--	---	------------------

Section 11 - Application Fee (Mục 11: Phí đăng kí)

<p>Fields required: Phần yêu cầu</p> <p>a. Choice of payment mode for one of the below: 9 (Có thể lựa chọn các hình thức trả dưới đây)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Credit Card (VISA and MASTERCARD only. Debit cards are not allowed for use in this application) (Thẻ tín dụng (VISA và MASTERCARD. Thẻ ghi nợ không được sử dụng) - Bank Draft - NETS (at the NUS Office of Admissions only) (Tại văn phòng đăng kí nhập học của NUS) 	<p>Applicants must pay a non-refundable deposit of SGD20. (Ứng viên phải trả một khoản tiền không hoàn lại là 20 SGD)</p> <p>NUS does not allow more than 1 application per academic year. (NUS không cho phép đăng kí quá một lần trong một năm học)</p>	<p>No contribution.</p>
--	--	-------------------------

Section 12 – Financial Aid Mục 12: hỗ trợ tài chính

Fields required: Phần yêu cầu a. Selection for "Yes" or "No" Chọn có hoặc không	Applicants are to indicate if they wish to apply for Financial Aid. (Ứng viên phải ghi rõ nếu muốn hỗ trợ tài chính)	No contribution.
--	---	------------------

Section 13 - Other Information Mục 13: thông tin khác

Fields required: Phần yêu cầu a. Criminal conviction (Tội danh)	Applicants are required to declare all convicted criminal offenses by a court of law or a military court (court martial) in any country. (ứng viên phải ghi rõ tội danh được tuyên phạt bởi tòa luật pháp và tòa án quân đội tại bất kì quốc gia nào Applicants are required to submit documentation and paper explanations of their declared record. (Ứng viên phải nộp giấy xác nhận tội danh)	No contribution.
---	---	------------------

Section 14 – Declaration Mục 14: Cam kết

Fields required: Phần yêu cầu Nil	This section is a declaration clause where the applicant indicates that all information contained is correct. (Chúng tôi muốn ứng viên cam đoan rằng tất cả thông tin tên ghi trên là chính xác)	No contribution.
---	---	------------------